



Ý nghĩa chấp tay và chào hỏi trong cuộc sống đời - đạo

ISSN: 2734-9195

12:05 14/10/2022

Thượng toạ Thích Thiện Hạnh Phó Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại Hà Nội

Trên các bức tượng, phù điêu, họa ảnh... về Phật giáo chúng ta thường thấy chư Phật, chư Bồ tát, Thánh tăng, tay thường bắt ấn quyết, đó là những ấn tượng thể hiện các ấn ý, ý nghĩa khác nhau trong hình thức thể hiện. Trong những ấn quyết đó có một ấn quyết được thực hiện nhiều khi lễ Phật, vái Phật, xá chào... gọi là hiệp chưởng, nghĩa là hai lòng bàn tay úp vào nhau.

Người Ấn Độ cho rằng tay phải là tay thần thánh, tay trái là tay bất tịnh. Nhưng nếu 2 tay hiệp lại làm một thì trở thành sự hợp nhất giữa phương diện thánh thiện và nhiễm ô, cho nên hiệp chưởng là biểu hiện bộ mặt chân thật nhất của con người. Nghĩa “*bất cấu bất tịnh*” trong Bát Nhã Tâm Kinh chính là ý này.

I. Ý NGHĨA CHẤP TAY CHÀO HỎI TRONG NGHI THỨC PHẬT GIÁO

Chấp tay chào nhau mang nhiều ý nghĩa. Nhưng nghĩa chính là để gieo vào tâm thức hạt giống tôn kính Tăng Bảo, tôn trọng mọi người.

1. Chấp tay như thế nào cho đúng và ý nghĩa:

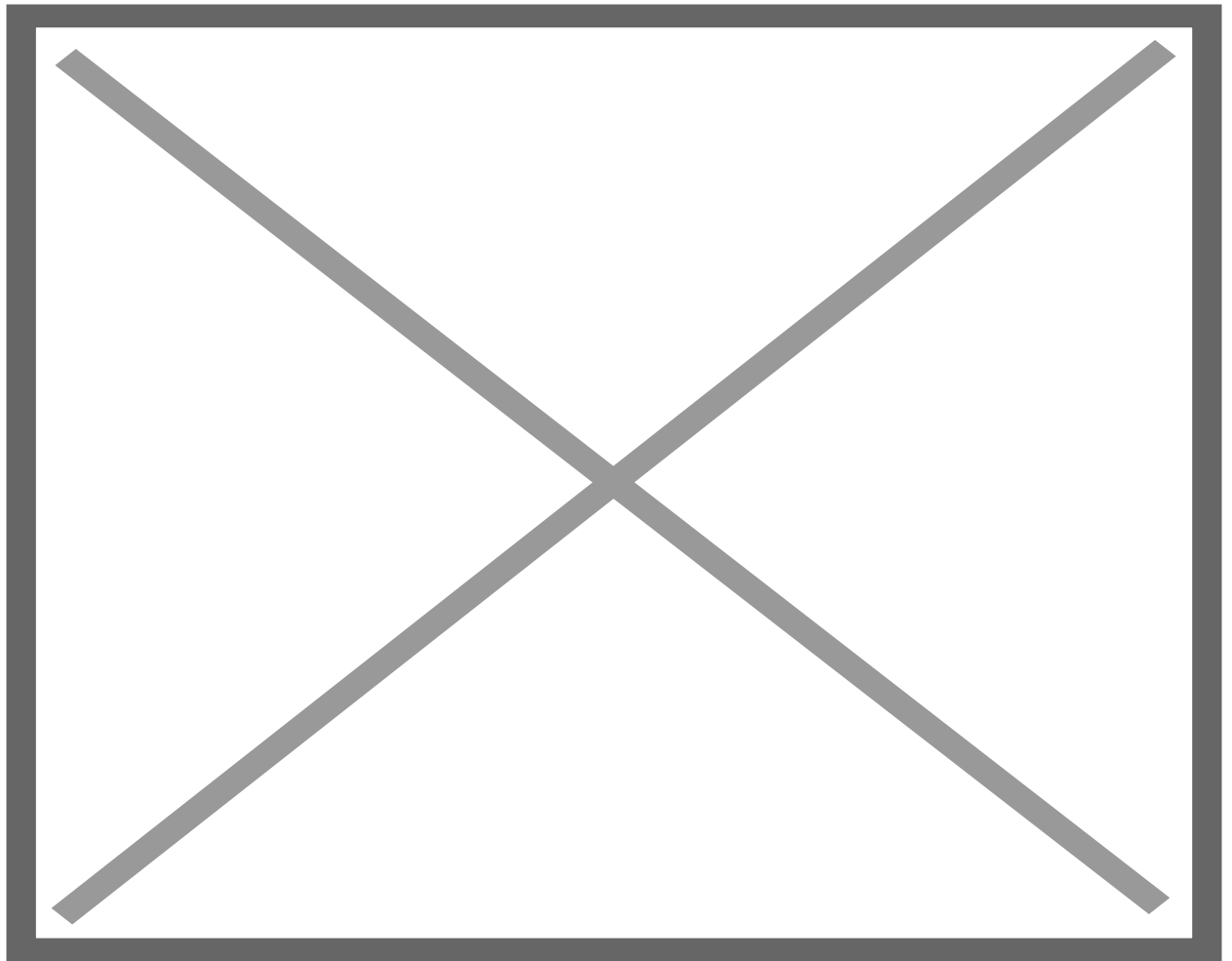
Trong nghi thức hằng ngày, khi lễ Phật, khi chào nhau, người phật tử (phật tử xuất gia và tại gia) thường chấp tay và niệm Phật. Hành động chấp tay đó trong Phật giáo gọi là hợp thập, hay hợp trảo (hay ấn liên hoa).

Chấp tay là một trong những ấn tượng quan trọng của Phật giáo. Chấp tay được biểu hiện bằng hình thức là, hai bàn tay úp vào nhau, các ngón tay khít lại, lòng bàn tay rỗng không, trông như hình chiếc búp sen sắp nở.

Trong đời sống tu hành hằng ngày của những người con Phật, những tín đồ phật tử, khi gặp nhau họ cũng chấp tay chào hỏi nhau. Cho nên trong nhà Phật khi

có câu:

“Sen búp xin tặng Người Một vị Phật tương lai”.



Chắp tay tượng trưng cho sự hợp nhất thánh thiện và niễm ô, dung thông thân thánh và trần tục. Phật giáo đã phát triển truyền thống này của Ấn Độ thành hiệp chưởng. Theo tinh thần Phật giáo, hai bàn tay chắp lại trước ngực, biểu thị lòng tôn kính, sự tập trung tư tưởng, thiền định, nhất tâm, tán dương và ca ngợi. Đồng thời, kế thừa và phát triển tư tưởng truyền thống, Phật giáo cho rằng, chắp tay có ý nghĩa dung hợp các phạm trù đối lập, biểu thị thật tướng của vũ trụ vạn pháp, tìm về với bản nguyên chân diện mục của pháp giới.

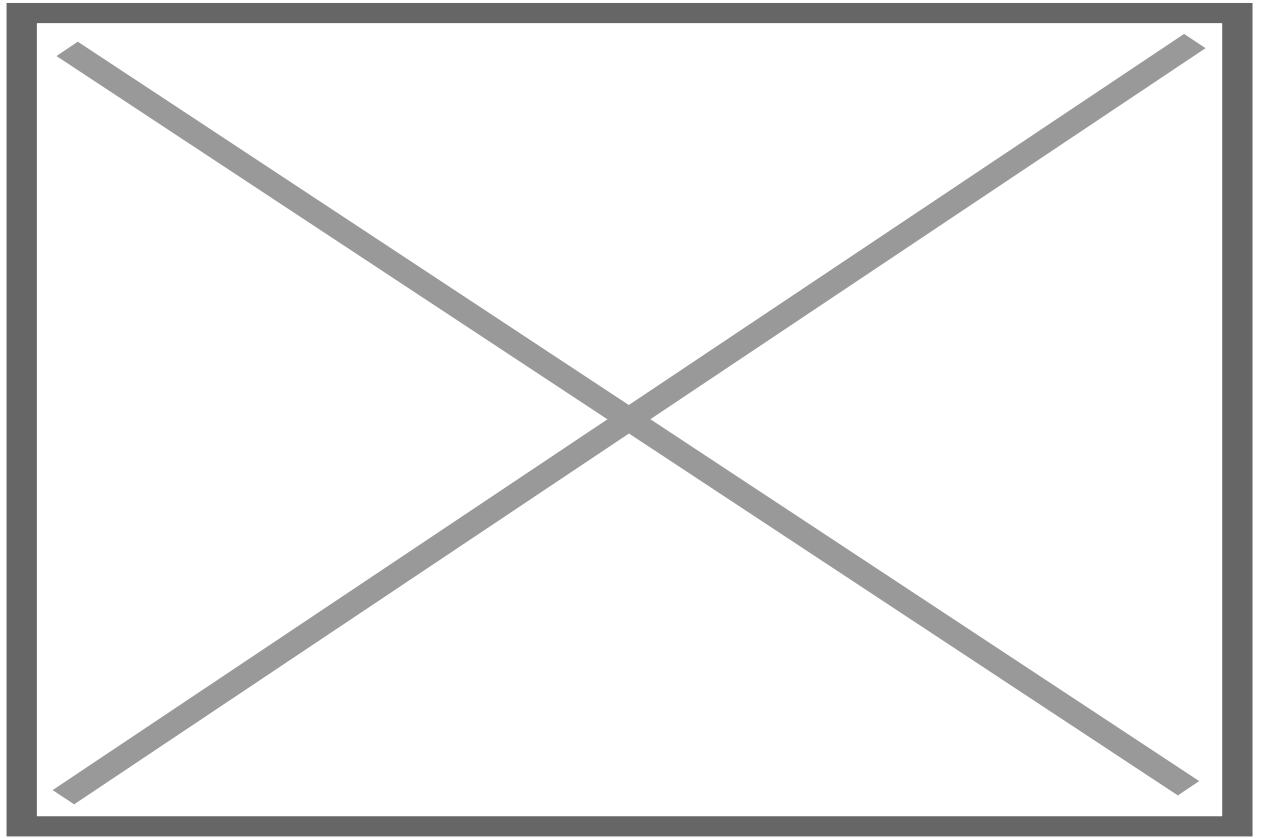
Ngoài những ý nghĩa kinh điển như đã nói ở trên, hành động đó còn mang nhiều ý nghĩa nhân văn khác. Người đối diện mình đây có thể là một con người bình thường, hay một vị tu hành mật hạnh, một vị Thánh Tăng cao đạo, hay biết đâu là một vị Bồ tát thị hiện, nên chắp tay xá chào người là hành động không chỉ thể hiện sự khiêm từ, khiêm đức, mà còn là sự cung kính trước một chủng tử Bồ Đề, một hiện thân của chư Phật, một con người có hạt giống tâm thiện lành có thể sẽ thành Phật trong kiếp vị lai.

Với những người sơ cơ trên đường Đạo, thì chấp tay chào hỏi còn mang ý nghĩa khuyến tấn, thức tỉnh “*búp sen xin tặng người, một vi Phật tương lai*”. Như vậy, ngoài ý nghĩa kiết ấn, hiệp chưởng còn mang nét đẹp văn hóa sâu sắc, đặc thù của Phật giáo.

2. Sau đây là 16 ý nghĩa của chấp tay:

1. Hai bàn tay khép lại biểu thị cho hòa bình, hữu nghị, đoàn kết và hợp tác, không tranh đấu và không làm tổn thương người khác.
2. Khoảng trống giữa hai lòng bàn tay biểu thị lý chân không, ý nghĩa là chúng ta phải ngộ nhập tính Không của vạn pháp.
3. Hai lòng bàn tay khép lại với nhau biểu thị hai tay chấm dứt vọng động, không còn phan duyên, không còn tạo nghiệp vì tham, sân, si.
4. Mu bàn tay hướng ra ngoài biểu thị ngoại cảnh lực trần, lòng bàn tay hướng vào trong biểu thị giác tâm bồ đề, vì vậy chấp tay còn có ý nghĩa là đi ngược cảnh trần, tìm về giác tâm.
5. Tay phải, tay trái là do vọng tưởng, chấp trước mà có. Kỳ thực phải hay trái đều là giả danh, đều là hư vọng. Chấp hai tay làm một, không còn có phải trái, rời tướng phân biệt, bình đẳng nhất như.
6. Mười ngón tay khép lại với nhau biểu thị mười pháp giới quy về nhất tâm, tất cả đều do tâm tạo, tất cả đều từ tâm mà biến hiện ra.
7. Mười ngón tay biểu thị mười phương, chấp lại trước ngực, có nghĩa là chúng sinh trong mười phương đều bình đẳng, cũng có nghĩa là nhiếp thủ chúng sinh trong mười phương quy hướng Phật đạo. Mười ngón tay còn biểu thị cõi Phật trong mười phương, chấp lại trước ngực, có nghĩa là cúng dường chư Phật, Bồ-tát trong mười phương bằng tâm cung kính, cũng có nghĩa là nhiếp thủ công đức của cõi Phật trong mười phương để trang nghiêm tự tâm, thành tựu căn lành.
8. Phật tử gặp nhau chấp tay niệm “*A Di Đà Phật*” chính là quy hướng biển nguyện nhất thừa của đức Di Đà, bất thoái thành Phật. Cũng biểu thị cõi Phật mười phương cùng xưng tán A Di Đà Phật, cùng tuyên dương pháp môn Tịnh Độ.
9. Mười ngón tay chấp lại trước ngực biểu thị chúng ta phải tu mười ba-la-mật mới có thể thành Phật. Cho nên, mười ngón tay chấp lại chính là biểu thị khả năng viên thành Phật quả.

10. Tay trái thường tĩnh, biểu thị “*thông hiểu*”; tay phải thường động, biểu thị “*thực hành*”; hai tay chấp lại biểu thị hiểu và hành hợp nhất, có như vậy mới thành tựu được vô thượng bồ đề.
11. Tay trái thường tĩnh, biểu thị “*tự giác*” (tự mình giác ngộ); tay phải thường động, biểu thị “*giác tha*” (giúp cho người khác giác ngộ); hai tay chấp lại biểu thị kết hợp tự giác với giác tha, có như vậy mới là hành giả Bồ-tát, có như vậy mới được giác hạnh viên mãn.
12. Tay trái biểu thị nguyện, tay phải biểu thị hạnh, hai tay chấp lại biểu thị nguyện và hạnh hợp nhất, lấy nguyện để khởi hạnh, lấy hạnh để chứng nguyện, có như vậy đại nguyện mới viên thành.
13. Hai tay chấp lại biểu thị các pháp bình đẳng, không phân cao thấp. Thiên tính không hai, tính mật chẳng khác, tuy phương pháp bất đồng, nhưng bản chất giống nhau, cùng chung một mục đích.
14. Hai tay trái phải hợp thành một thể biểu thị lý “*không hai*”. Phiền não và bồ đề không hai, tự hành và hóa tha không hai, tự Phật và tha Phật không hai, tính và tướng không hai...
15. Chấp tay chính giữa ngực biểu thị lý trung đạo, không chấp vào hai bên như: thường hay đoạn, không hay có.
16. Hai tay chấp lại giống như nụ hoa chưa nở, biểu thị nhân địa tu hành. Khi hoa nở cũng là lúc thành tựu bồ đề.



III. CHẤP TAY VÀ CÁCH XUNG HÔ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Xá chào cung kính là sự khiêm cung tỏ lòng biết ơn với người đã dày công hướng dẫn Phật pháp cho chúng ta, nhờ vậy làm giảm đi sự cống cao ngã mạn của bản thân do ngu si, mê muội chấp thân tâm này làm ngã.

a. Chấp tay xá chào (Chư Phật, thầy tổ) tăng-ni

Khi Phật tử gặp quý Thầy Cô thì đứng ngay ngắn trang nghiêm, hai tay chấp lại theo hình búp sen trước ngực, đầu cúi xuống và miệng niệm câu Nam mô Phật đà, hoặc Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam mô có nghĩa là cung kính. Phật-đà là dịch âm tiếng Phạn của chữ Buddha, dịch nghĩa là người giác ngộ, người tỉnh thức, là người có tấm lòng từ bi rộng lớn thương yêu bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Nam mô Phật-đà nghĩa là chúng ta cung kính tôn trọng đức Phật, đức Phật ở đây là chỉ cho Phật Thích-ca Mâu-ni, là người đã khai sáng ra đạo Phật. Phật và chúng sinh đều có tính giác sáng suốt bình đẳng như nhau vì ngài là một con người giống như tất cả mọi người chúng ta.

Vì vậy, xá chào nghĩa là thể hiện sự cung kính và khiêm cung tỏ lòng biết ơn với người đã dày công hướng dẫn Phật pháp cho chúng ta, nhờ vậy làm giảm đi sự

cống cao ngã mạn của bản thân do ngu si, mê muội chấp thân tâm này làm ngã. Cho nên khi xá chào mọi người chúng ta tôn kính như một vị Phật.

b. Tin tâm mình là Phật

Chúng ta tin tâm mình là Phật và tỏ lòng biết ơn, cung kính đức Phật để bắt chước công hạnh của Ngài, **“trên nguyện cầu thành Phật, dưới cứu độ chúng sinh”**. (Phát Tâm Bồ Đề) Chúng ta tin Phật có khả năng giác ngộ thì chúng ta cũng có khả năng giác ngộ nhờ tu hạnh Bồ tát đạo phước huệ song tu.

c. Chắp tay lễ Phật

Phật tử khi vào chính điện lễ Phật phải đi đứng nghiêm trang, mắt nhìn thẳng, thân tâm hướng về điện Phật. chúng ta lễ lạy thật trang nghiêm làm cho thân tâm được an lạc, không bị chướng ngại nhờ thân tâm chuyên nhất theo nguyên tắc **“miệng niệm, tai lắng nghe”**. Đây là phương pháp lạy căn bản, toàn thân năm vóc sát đất, thân tâm cung kính lễ sẽ giúp ta tiêu trừ bệnh cống cao ngã mạn và chuyển hóa phiền não tham-sân-si thành an vui, hạnh phúc ngay tại đây và bây giờ.

Cho nên trong hai bàn tay của chúng ta, bàn tay trái tiêu biểu cho trí tuệ, còn bàn tay phải tiêu biểu cho phương tiện thiện xảo hay còn gọi là tình yêu thương. Bàn tay trái còn tiêu biểu cho tâm của chúng ta, bàn tay phải tiêu biểu cho tâm Phật.

Năm ngón của bàn tay trái tiêu biểu cho năm Phật mẫu trí tuệ; năm ngón của bàn tay phải tiêu biểu cho Ngũ trí Phật. Đồng thời năm ngón tay còn tiêu biểu cho địa, thủy, hỏa, phong, không đại. Mười ngón tay tiêu biểu cho trí tuệ Phật, và còn tiêu biểu cho các công hạnh Ba la mật, cũng như tiêu biểu cho sự hình thành của vũ trụ. Vì vậy sự kết hợp của hai bàn tay định tuệ hay hai bàn tay trí tuệ và phương tiện này tạo nên sự chuyển động của vũ trụ, chuyển động của pháp giới và trở thành những bản thể nguyện của chư Phật.

Vì vậy, khi vào chùa, việc chắp tay chào sư Thầy hay huynh đệ chính là chúng ta trân trọng, kính Phật ở nơi mỗi người. Mỗi khi chắp tay phải tự ý thức đây là sự hợp nhất giữa tính Phật và tự tính tâm của mình và trân trọng những vị Phật tử hay những vị sư mà mình gặp. Người đối diện mình đây có thể là một con người bình thường, hay một vị tu hành mật hạnh, biết đâu là một vị Bồ tát thị hiện..., nên chắp tay xá chào người là hành động không chỉ thể hiện sự khiêm từ, khiêm đức, mà còn là sự cung kính trước một chúng tử Bồ Đề, một hiện thân của chư Phật, một con người có hạt giống tâm thiện lành có thể sẽ thành Phật trong kiếp vị lai.

d. Cách xưng hô của người Phật tử (xuất gia và tại gia)

Thông thường ở ngoài đời mình kính trọng ai hay có những cử chỉ kính, nể, sợ và khi mình khinh khi ai có những cử chỉ trái ngược lại. Trong hai chữ trọng và khinh cũng đã hàm chứa rõ ý nghĩa của nó rồi. Trọng nghĩa là nặng chông chất lên. Khinh có nghĩa là nhẹ hoặc là riêng rẽ. Và hai chữ xưng cũng như hô cũng đã hình dung cho chúng ta biết rằng có người trên kẻ dưới và người dưới đối với kẻ trên. Ở ngoài xã hội đã thế, trong chùa cũng có lối xưng hô tương đối khá đặc biệt hơn.

Khi tiếp xúc với Chư tăng, ni, Phật tử tại gia thường đơn giản gọi bằng “*thầy hay cô*” và thường xưng “*con*” để tỏ lòng tôn kính. Có những vị Phật tử lớn tuổi xưng “*tôi hay chúng tôi*” với những vị tăng, ni trẻ để phù hợp với đạo lý làm người.

Trong đạo Phật, cách xưng hô có thể thay đổi theo hoàn cảnh mà vẫn giữ được phẩm chất cao quý của người học đạo giác ngộ, giải thoát đối với Phật tử tại gia cũng như người xuất gia.

Tăng, ni là những người vừa học, vừa tu, vừa hướng dẫn cho chúng ta biết được đạo lý làm người. Là những người tiếp tục kế thừa sự nghiệp của đức Phật để truyền dạy giới đức cho mọi người nên chúng ta phải gọi là “*thầy, cô*” hoặc gọi theo giới phẩm “*đại đức, thượng tọa hay hòa thượng*”.

Đối với thầy, cô chúng ta có thể xưng bằng “*chúng con hay chúng tôi*” là tùy theo tuổi tác của vị tăng ni đó cho phù hợp với đạo lý làm người mà vẫn một lòng tôn kính để học đạo giác ngộ, giải thoát.

Nói chung, cách xưng hô trong đạo Phật giữa người xuất gia và Phật tử nên thể hiện lòng tôn kính lẫn nhau để học đạo giác ngộ, giải thoát. Nhờ vậy, chúng ta có thể phá trừ tâm cống cao ngã mạn mà chuyển hóa phiền não tham-sân-si thành vô ngã, vị tha.

Chấp tay cung kính là cách lễ bái từ xa xưa ở Ấn Độ cổ đại, được ứng dụng trong đạo Phật.

Phương thức lễ nghi chào hỏi, không chỉ thể hiện, lịch sự, mà cũng phù hợp với nhiều hoàn cảnh khác nhau. Trong đời sống tu hành hằng ngày của những người con Phật, những tín đồ Phật tử, khi gặp nhau họ cũng chấp tay chào hỏi nhau. Ngoài những ý nghĩa kinh điển như đã nói ở trên, hành động đó còn mang nhiều ý nghĩa nhân văn khác. Quan trọng hơn, những lễ nghi này có thể thể hiện nội tâm tôn kính và khiêm nhường, đồng thời cũng nhắc nhở bản thân không quên sự chân thành và kính trọng lẫn nhau!

Thượng tọa Thích Thiện Hạnh Phó Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại

